

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

01/06/2018

Diễn biến thị trường trong phiên

Rating	VNI	HNI	UPCoM
Điểm	992.9	115.7	52.8
% ngày	2.23	0.73	0.13
% tuần	3.01	1.10	-0.57
% tháng	-5.46	-5.62	-6.61
% năm	33.85	23.14	-8.25
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	4,721.31	564.71	156.21
Hôm qua	3,585.00	481.83	104.21
TB 1 tháng	3,702.09	614.46	184.41
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	1,064.17	28.68	15.4
Bán	1,010.96	55.4	8.58
Giá trị ròng	53.21	(26.72)	6.82
Độ rộng TT			
Mã Tăng	178	110	94
Mã Giảm	107	88	75
Không Đổi	68	186	565
Chỉ số chính			
P/E	18.8x	12.7x	11.7x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,945	214	827
LS Cổ tức	1.80	2.72	3.78

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Những tín hiệu tích cực trong phiên gần đây như chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ngành sản xuất tại Việt Nam theo *The Nikkei Vietnam Manufacturing PMI* đã tăng từ mức 52.7 điểm trong tháng 4 lên 53.9 điểm trong tháng 5. Kết quả này cho thấy sự cải thiện đáng kể nhất của lĩnh vực sản xuất kể từ tháng 4/2017. Nhờ vậy, phiên giao dịch đầu tháng 06 diễn ra khá tích cực với lượng thanh khoản tăng vọt cũng nhiều mã tăng trần và phủ xanh cả thị trường.

Hôm nay thị trường giảm không quá sâu khi chỉ số VN-Index tăng mạnh và đóng cửa ở mức 992.9 điểm (+2.23%). Chỉ số HNX-Index và UPCoM index thay đổi không nhiều và đóng cửa ở mức 115.70 (+0.73%) và 52.22 điểm (+0.13%).

Dòng tiền có sự lan tỏa giữa các nhóm cổ phiếu, cổ phiếu vừa và nhỏ bị thị trường quên lãng thời gian qua cũng đang được chú ý như HAR, KLF, HQC đã tăng trần trong phiên. Đáng chú ý là cặp đôi HSG (+7.0%) và VJC (+7.0%) hôm nay tăng trần từ phiên sáng và giữ vững tới khi đóng cửa. Nhóm ngân hàng lại tiếp tục dẫn dắt thị trường, các nhà đầu tư thực hiện đầu tư có chọn lọc với sự ưu ái cho VCB (+5.4%), BID (+1.5%), HDB (+5.6%) và ACB (+1.2%). Vingroup hiện đang nắm giữ hơn 20% vốn hóa toàn thị trường thì hôm nay nhờ sự hỗ trợ tốt của VIC (+2.6%), VHM (+1.2%) và VRE (+5.7%) đã hỗ trợ cho thị trường tăng lại ở cuối phiên.

Sau khoản thời gian bán ròng liên tục. Hôm nay khối ngoại đã thực hiện mua ròng trên hai sàn HSX và UPCoM. Trên sàn HNX khối ngoại thực hiện bán mã VGC với tổng giá trị hơn 49 tỷ đồng. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch trên sàn HSX tập trung vào các mã VCB (+95 tỷ), HPG (+65 tỷ), VRE (+49 tỷ), SSI (+33 tỷ) và HDB (+17 tỷ).

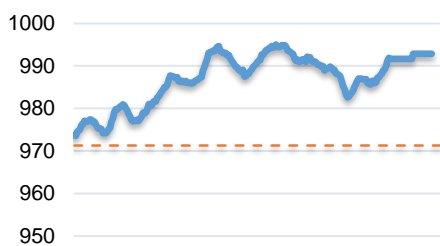
NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ xuất hiện nhịp rung lắc khi chỉ số VN-Index tiến gần mức 1,000 điểm trong phiên giao dịch đầu tuần. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy dòng tiền tiếp tục có xu hướng tăng, nhưng áp lực bán có thể sẽ có chiều hướng gia tăng ở 1 – 2 phiên giao dịch tới. Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá áp lực bán này cũng không đáng kể và thị trường vẫn đang trong nhịp hồi phục. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng dần và tâm lý nhà đầu tư tiếp tục có xu hướng lạc quan hơn.

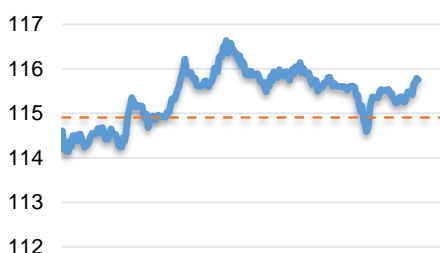
Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức kháng cự của hệ thống ở mức 994.11 điểm của chỉ số VN-Index và 116.22 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục nắm giữ và các nhà đầu tư lướt sóng T+ cần hạn chế mua đuổi để tránh nhịp rung lắc trong phiên. Đồng thời, trên quan điểm an toàn, các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục quan sát và chỉ gia tăng thêm tỷ trọng khi xu hướng tăng đã được xác nhận.

Tỷ trọng khuyến nghị: 24% cổ phiếu/76% tiền mặt.

VNINDEX



HNX INDEX



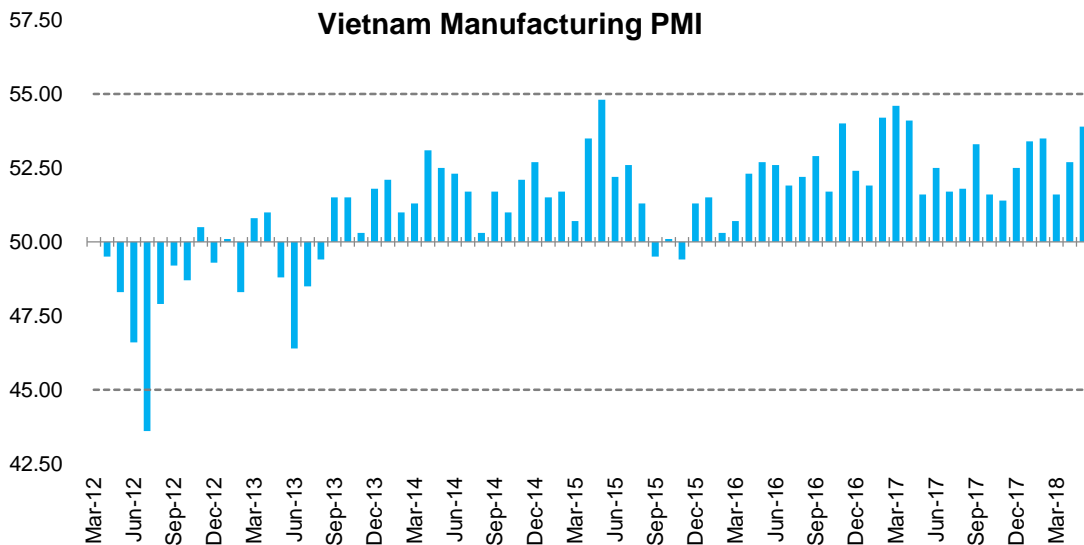


NOTES

PMI tháng 5/2018 và Kết quả review Q2/2018 của DB FTSE

1. PMI tháng 5/2018

Nikkei vừa công bố Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của tháng 5, theo đó, PMI tháng 5 tăng lên mức 53.9 điểm từ mức 52.7 điểm của tháng 4 cho thấy các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất của Việt Nam. Số lượng đơn hàng mới tăng mạnh trong tháng 5 và là mức tăng nhanh nhất trong 14 tháng nhờ mức tăng kỷ lục của số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới. Sản lượng tương ứng cũng tăng mạnh và là mức tăng nhanh nhất trong ba tháng, trong đó, mức tăng trưởng mạnh nhất ở lĩnh vực hàng hóa đầu tư cơ bản. Tốc độ tăng chi phí đầu vào đã nhanh hơn thành mức cao của ba tháng trong tháng 5 khi chi phí nhiên liệu và giá cả của nhà cung cấp tăng.



Nguồn: Nikkei

2. Kết quả review Q2/2018 của DB FTSE

Kết quả review Q2/2018 của DB FTSE vừa mới công bố trong ngày 01/06/2018.

Danh mục FTSE Vietnam Index:

Thêm: Không thêm cổ phiếu nào

Loại: FLC

FLC bị loại khỏi danh mục vì vi phạm tiêu chí về vốn hóa thị trường. Khi VHM được niêm yết trên sàn HSX thì tỷ lệ vốn hóa của danh mục thay đổi rất lớn vì thế vốn hóa thị trường của FLC không nằm trong top 92% vốn hóa toàn thị trường

(*)Danh mục FTSE Vietnam All-Share Index:

Thêm: HDB, GEX

Loại: KDC, DCM, HT1, FLC

(*): Danh mục FTSE Vietnam All-Share Index là một danh mục chuẩn để làm chỉ số tham khảo cho việc chọn lựa danh mục FTSE Vietnam Index và đây là những cổ phiếu sẽ được dự phòng cho các kỳ cơ cấu lần sau.

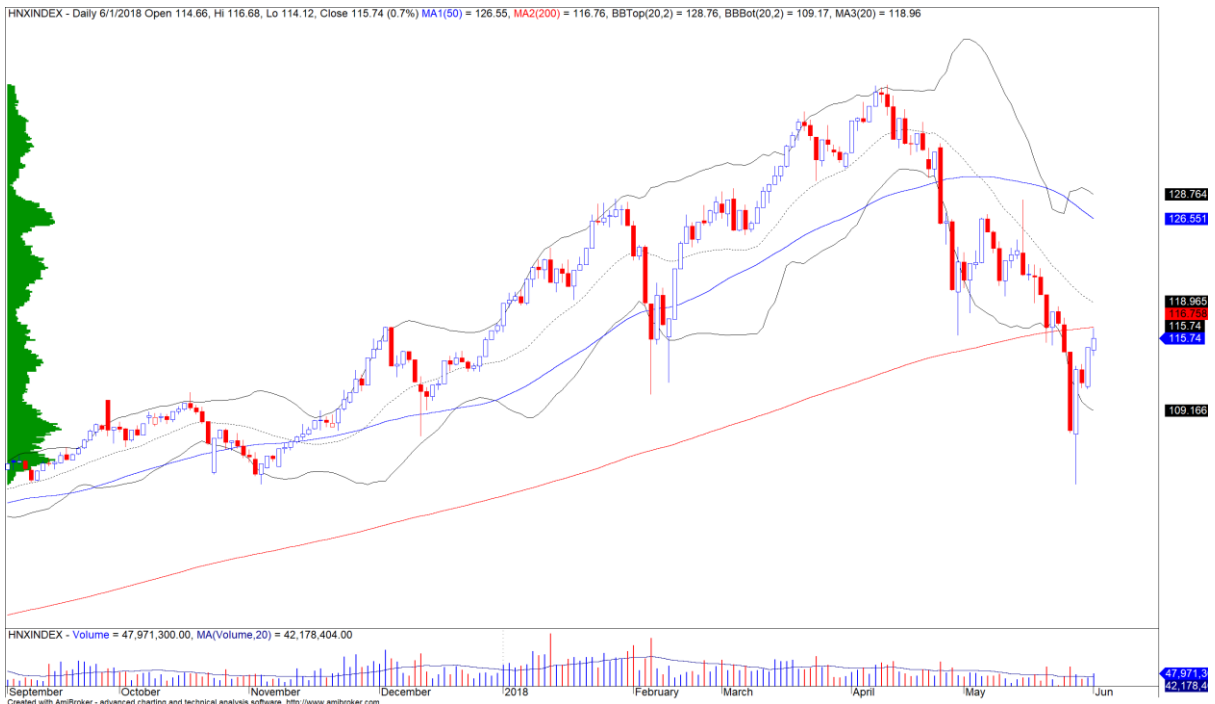


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	1,070.0	1,026.6	975.0	894.0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	138.5	127.0	115.5	103.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	21.10	TĂNG	GIẢM	20.40	19.03	3.43%			22.42		
ACB	40.50	GIẢM	GIẢM		41.28				49.70		
BFC	29.50	GIẢM	GIẢM		31.00				35.25		
BHN	103.90	TĂNG	GIẢM	114.00	95.78	-8.86%			132.78		
BID	29.70	GIẢM	GIẢM		30.47				41.09		
BMP	62.10	TĂNG	GIẢM	56.10	56.42	10.70%			63.44		
BSR	18.00	GIẢM	TĂNG		20.78						
BVH	90.70	GIẢM	GIẢM		93.41				109.19		
BWE	19.70	GIẢM	GIẢM		20.77				24.87		
CEO	15.60	GIẢM	GIẢM		17.87				17.99		
CHP	25.50	TĂNG	GIẢM	24.65	24.85	3.45%			26.29		
CSM	14.80	TĂNG	TĂNG	13.55	14.17	9.23%		14.80	14.79	0.00%	MUA
CTD	142.60	TĂNG	GIẢM	138.00	125.48	3.33%			160.75		
CTG	27.45	GIẢM	GIẢM		28.11				34.25		
CTI	29.95	GIẢM	GIẢM		32.10				36.40		
CVT	29.20	GIẢM	GIẢM		31.23				39.54		
DGW	26.85	GIẢM	TĂNG		27.07			16.40	23.82	63.72%	
DHA	27.90	GIẢM	GIẢM		28.57				31.41		
DHC	42.50	GIẢM	GIẢM		45.08				46.93		
DHG	104.50	GIẢM	TĂNG		105.58			115.00	96.90	-9.13%	
DPG	50.80	GIẢM	GIẢM		56.89				62.82		
DPM	16.90	GIẢM	GIẢM		17.83				21.50		
DPR	40.70	TĂNG	GIẢM	40.70	39.90	0.00%	MUA		42.27		
DQC	33.10	GIẢM	GIẢM		34.61				37.41		
DRC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.56				26.35		
DXG	32.00	TĂNG	GIẢM	30.75	26.50	4.07%			33.26		
ELC	10.60	GIẢM	GIẢM		10.72				12.59		
FCN	14.75	GIẢM	GIẢM		15.37				19.70		
FIT	5.10	GIẢM	GIẢM		5.40				7.21		
FMC	20.60	GIẢM	GIẢM		21.82				27.00		
FPT	46.45	GIẢM	GIẢM		49.38				54.45		
GAS	92.50	GIẢM	GIẢM		105.21				124.57		
GIL	41.50	TĂNG	TĂNG	44.00	40.59	-5.68%		34.90	40.98	18.91%	
GMD	26.00	GIẢM	GIẢM		26.37				31.17		
GTN	9.38	GIẢM	GIẢM		10.06				12.52		
HAG	4.50	GIẢM	GIẢM		4.85				6.26		
HAX	15.50	GIẢM	GIẢM		16.05				20.69		
HBC	23.75	GIẢM	GIẢM		25.36				47.84		

We Create Fortune

HDB	41.20	TĂNG	GIẢM	39.00	33.59	5.64%		48.74	
HNG	7.82	GIẢM	TĂNG		7.96		8.20	7.24	-4.63%
HPG	57.00	TĂNG	GIẢM	56.10	50.17	1.60%		62.47	
HSG	11.30	TĂNG	GIẢM	11.30	11.14	0.00%	MUA	17.91	
HT1	11.85	GIẢM	GIẢM		12.94			15.21	
HUT	6.20	GIẢM	GIẢM		6.57			8.85	
HVN	30.40	GIẢM	GIẢM		33.68			47.23	
ITD	12.40	TĂNG	TĂNG	11.30	12.24	9.73%		12.18	
KBC	12.30	GIẢM	GIẢM		13.10			14.79	
KDH	33.30	GIẢM	GIẢM		34.17			39.49	
KSB	34.30	GIẢM	GIẢM		36.28			41.27	
LCG	9.64	GIẢM	TĂNG		9.92		11.10	9.54	-13.15%
LIX	41.80	GIẢM	GIẢM		44.72			48.22	
LPB	11.80	GIẢM	GIẢM		13.03			17.46	
LSS	8.20	GIẢM	GIẢM		8.99			10.06	
MSN	83.90	GIẢM	GIẢM		88.22			110.20	
MWG	109.00	GIẢM	GIẢM		112.43			115.64	
NKG	20.80	GIẢM	GIẢM		21.55			27.38	
NLG	29.50	GIẢM	GIẢM		32.15			39.01	
NT2	28.25	GIẢM	GIẢM		28.79			32.76	
NTL	9.46	GIẢM	TĂNG		9.74		10.45	8.94	-9.47%
NTP	53.00	TĂNG	GIẢM	53.00	49.75	0.00%		63.12	
PAC	40.20	GIẢM	GIẢM		41.29			47.09	
PC1	28.80	GIẢM	GIẢM		30.81			35.82	
PDR	30.30	GIẢM	GIẢM		30.91			35.22	
PGC	13.70	GIẢM	GIẢM		14.32			15.92	
PHR	42.50	GIẢM	GIẢM		43.38			47.47	
PLC	19.60	TĂNG	GIẢM	19.60	17.71	0.00%		22.44	
PLX	62.50	GIẢM	GIẢM		64.14			79.68	
PNJ	170.70	GIẢM	GIẢM		174.94			196.38	
POW	13.70	GIẢM	TĂNG		14.94				
PPC	17.50	GIẢM	GIẢM		18.14			20.66	
PTB	93.00	GIẢM	GIẢM		97.24			107.02	
PVD	13.40	GIẢM	GIẢM		14.95			20.34	
PVI	31.80	GIẢM	GIẢM		33.71			38.63	
PVS	17.40	GIẢM	GIẢM		18.45			23.08	
PXS	5.50	GIẢM	GIẢM		6.03			7.81	
RAL	110.90	GIẢM	GIẢM		114.81			135.39	
REE	33.10	GIẢM	GIẢM		33.69			40.61	
SAB	245.00	GIẢM	TĂNG		245.18		252.40	206.97	-2.93%
SAM	7.41	GIẢM	GIẢM		7.55			8.48	
SBV	30.50	GIẢM	GIẢM		30.66			32.86	
SCR	9.39	GIẢM	GIẢM		9.61			12.60	



We Create Fortune

SHI	6.90	TĂNG	TĂNG	6.83	6.45	1.02%		6.99	6.35	-1.29%	
SJS	21.90	GIẢM	GIẢM		23.78				28.22		
SKG	24.90	GIẢM	GIẢM		25.48				28.40		
SSI	32.35	TĂNG	GIẢM	32.00	27.43	1.09%			40.86		
STB	11.75	GIẢM	GIẢM		12.26				15.29		
SVC	50.00	TĂNG	GIẢM	47.90	47.10	4.38%			51.89		
TCM	19.75	GIẢM	GIẢM		20.60				22.70		
TDH	15.20	GIẢM	GIẢM		15.49				16.90		
TLH	9.45	GIẢM	GIẢM		9.90				11.62		
TMT	9.30	GIẢM	TĂNG		10.13			10.55	8.66	-11.85%	
TNG	12.40	GIẢM	GIẢM		13.06				15.39		
TYA	16.00	TĂNG	GIẢM	15.95	14.54	0.31%			17.16		
VCB	57.00	TĂNG	GIẢM	54.10	47.58	5.36%			68.30		
VFG	48.80	TĂNG	TĂNG	37.10	46.05	31.54%		46.10	41.29	5.86%	
VGC	23.10	TĂNG	GIẢM	23.10	20.07	0.00%			27.09		
VIB	27.80	GIẢM	GIẢM		30.62				34.84		
VIC	119.00	TĂNG	TĂNG	116.00	100.32	2.59%		44.55	111.69	167.12%	BÁN
VIP	7.10	GIẢM	TĂNG		7.31			6.71	6.82	5.75%	
VJC	159.20	GIẢM	GIẢM		167.70				207.23		
VKC	6.80	TĂNG	TĂNG	6.20	6.30	9.68%		6.80	6.77	0.00%	MUA
VNM	168.20	GIẢM	GIẢM		172.92				193.65		
VPB	46.00	TĂNG	GIẢM	46.00	45.01	0.00%	MUA		59.45		
VRC	16.30	GIẢM	GIẢM		17.33				21.27		
VSC	30.90	GIẢM	GIẢM		31.66				38.75		
VSH	16.80	GIẢM	TĂNG		17.11			17.40	16.36	-3.45%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	992.87	2.23
VN30	969.15	2.31
VN Mid	1,002.21	1.03
VN Small	836.45	0.64

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	1,064.17	
Bán	1,010.96	
GT ròng	53.21	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VJC	10,400	7.0%
AST	4,500	6.9%
HAI	230	6.9%
PAN	4,000	6.8%
AMD	230	6.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LHG	(950)	-4.5%
LIX	(1,200)	-2.8%
KBC	(300)	-2.4%
BMP	(1,400)	-2.2%
DRC	(400)	-1.9%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	313,887	
VHM	312,175	
VNM	244,100	
VCB	205,073	
GAS	177,040	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SSI	9.05	4.95
CTG	7.38	5.70
HPG	6.64	4.07
MBB	6.57	4.91
HQC	6.34	2.44

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	115.75	0.73
HN30	209.11	0.22
VNX AllSh	1,378.74	1.84

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	28.68	
Bán	55.40	
GT ròng	(26.72)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVB	500	6.7%
NDN	600	3.2%
PVS	400	2.4%
HUT	100	1.6%
TTB	300	1.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	(400)	-2.5%
VCS	(2,300)	-2.4%
SHB	(100)	-1.1%
PVI	(300)	-0.9%
SHS	(100)	-0.6%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	43,922	
VCS	14,736	
SHB	11,069	
VGC	10,357	
VCG	7,951	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	10.24	13.92
ACB	5.40	4.26
PVS	4.26	4.83
VGC	3.07	2.19
PVX	2.08	1.71

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	52.83	0.13

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	15.40	
Bán	43.85	
GT ròng	(28.45)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	7,200	10.1%
DVN	700	4.9%
HVN	1,400	4.6%
VGX	300	2.7%
NTC	900	1.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
FOX	(3,200)	-6.3%
OIL	(300)	-1.8%
QNS	(100)	-0.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	176,347	
BSR	57,049	
MCH	52,513	
HVN	39,810	
GVR	35,200	

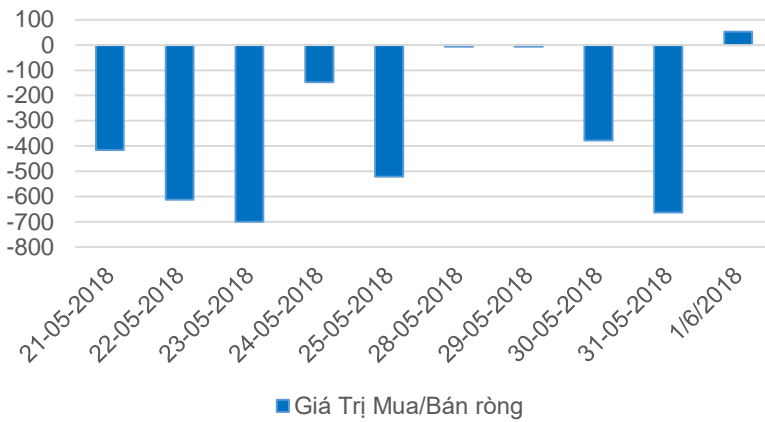
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
LPB	1.60	2.46
VLB	1.00	0.03
POW	0.96	1.62
HIG	0.66	0.06
BSR	0.59	1.21

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

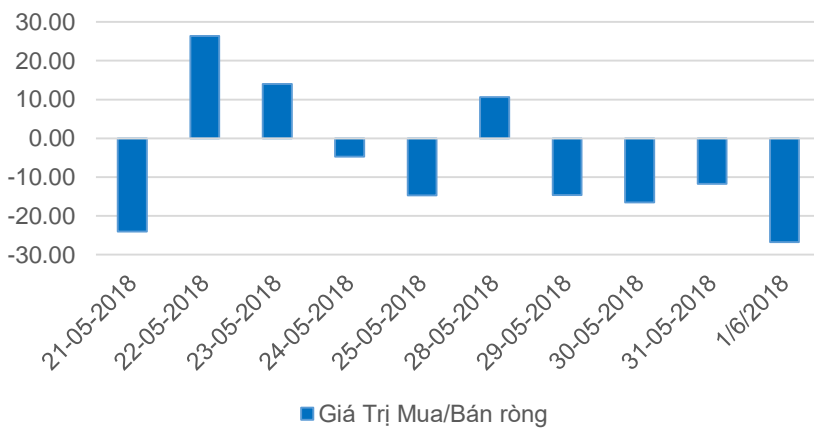
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VCB	95,480	VIC	(39,054)
HPG	65,008	DXG	(32,420)
VRE	49,015	VHM	(31,394)
SSI	33,090	KBC	(18,444)
HDB	16,871	E1VFN30	(15,378)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

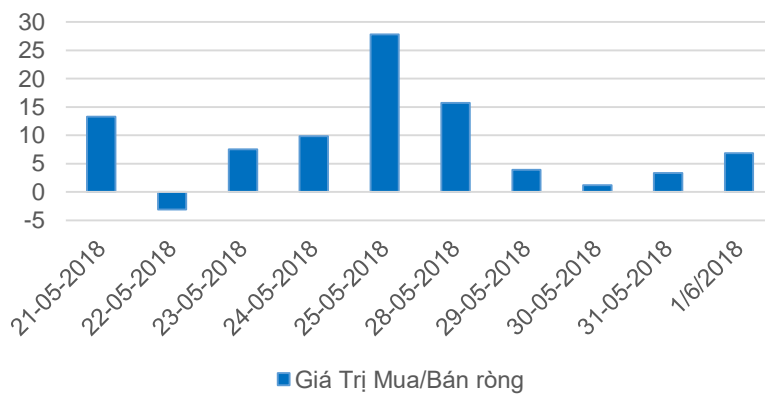
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
KDM	9,094	VGC	(49,085)
PVS	9,072	CEO	(1,342)
SHS	4,351	NDN	(1,255)
VPI	1,997	PGS	(572)
TTZ	169	WCS	(304)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCoM



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	2,984	VGT	(2,043)
BSR	2,112	HVN	(162)
QNS	1,262	PHH	(118)
ACV	968	LTG	(38)
SCS	957	VOC	(29)

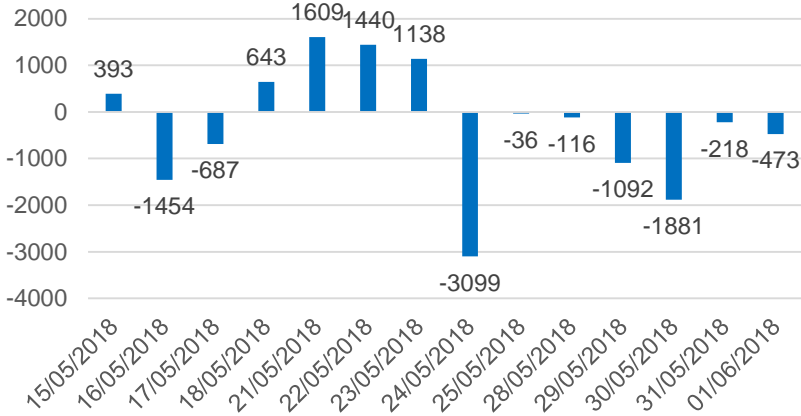
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

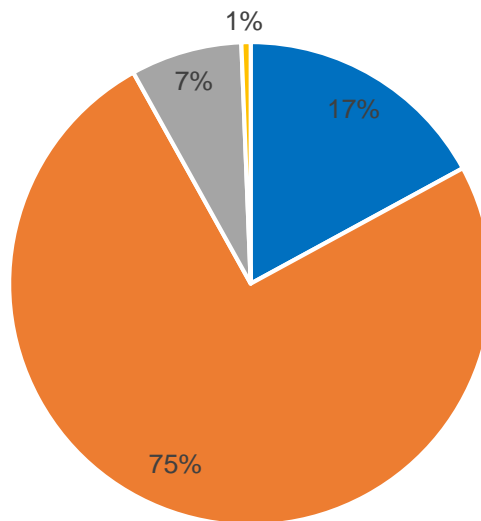


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
E1VFN30	21,061	ROS	20,612
ROS	17,010	MSN	12,372
MSN	10,166	FPT	10,498
NVL	8,566	MBB	10,342
FPT	6,219	VIC	10,016

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



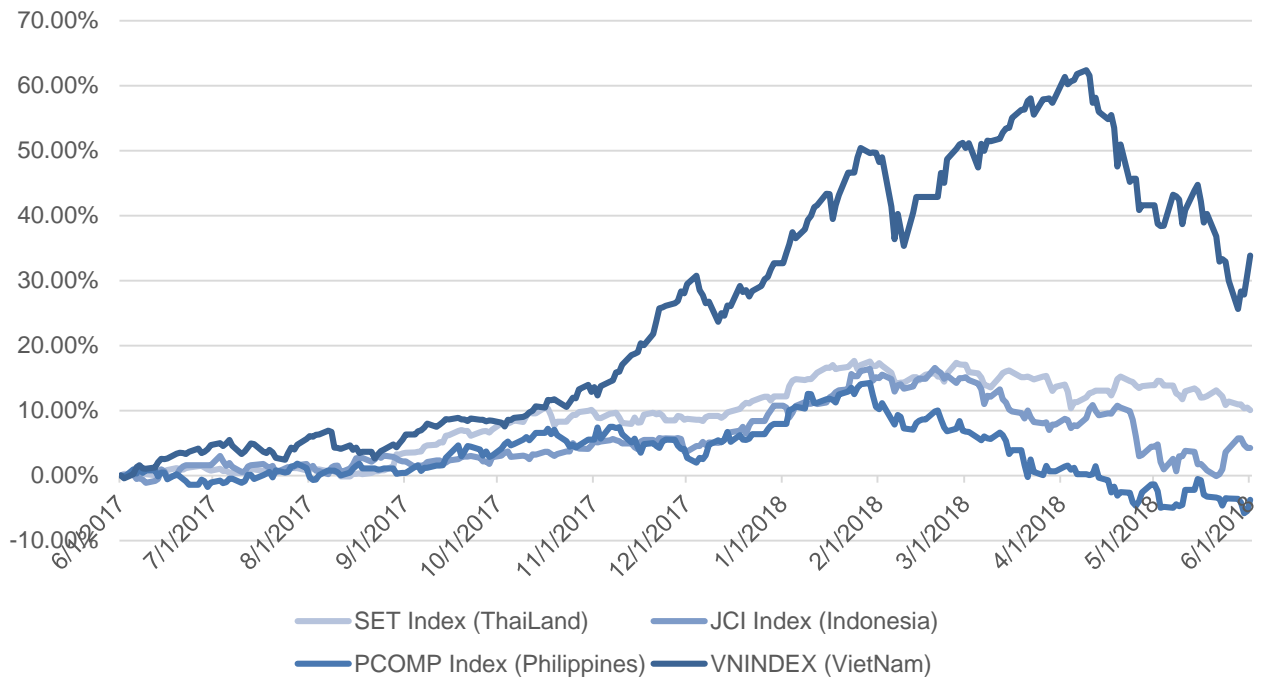
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

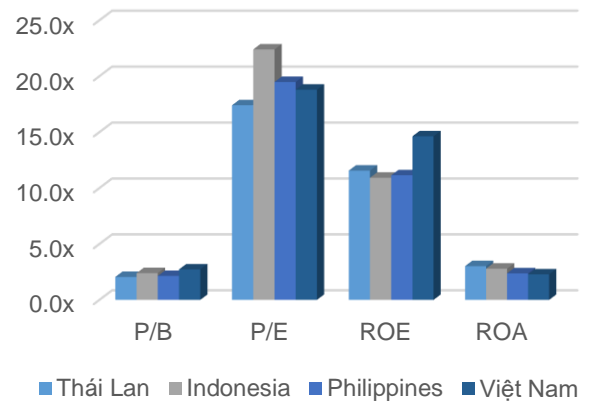
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.1x	2.4x	2.1x	2.7x
P/E		17.4x	22.4x	19.5x	18.8x
ROE	%	11.56	10.92	11.14	14.63
ROA	%	3.02	2.79	2.37	2.28
Vốn hóa	Tỷ USD	542.84	483.98	177.61	129.22
GTGD	Triệu USD	2.58	1.13	0.29	0.21
LS cổ tức	%	2.98	2.23	1.64	1.80

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written